

Bản án số: 31/2025/HS-PT
Ngày: 07-3-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phụng

Các Thẩm phán: Ông Lê Hùng Cường

Ông Nguyễn Thiện Tâm

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Dương Phát - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:

Bà Đoàn Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 189/2024/TLPT-HS ngày 02 tháng 11 năm 2024 do có kháng cáo của bị hại Nguyễn Long K đối với Bản án hình sự thẩm số 149/2024/HS-ST, ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Bị cáo bị kháng cáo: Nguyễn Văn T, sinh ngày 25/9/1983 tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An; chỗ ở: Ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1961 (chết) và bà Lê Thị N1, sinh năm: 1963 (sống); có vợ tên Phạm Thị Mộng C, sinh năm 1986; có 02 con sinh năm 2005 và sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo đang tại ngoại, có mặt.

- **Bị hại có kháng cáo:** Ông Nguyễn Long K, sinh năm 1968. Địa chỉ: Khu phố H, phường H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Nguyễn Hữu L, là Luật sư Công ty L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh T, có mặt.

Những người tham gia tố tụng khác không liên quan đến kháng cáo không triệu tập: Người làm chứng: Trịnh Lệ U, Phạm Thị Mộng C, Dương Văn T1, Nguyễn Huy Mai K1, Nguyễn Quốc T2, Phạm Thị Mộng Đ, Phạm Văn M, Phạm Thị Mộng Đ1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị Mộng C, Phạm Thị Mộng Đ và Phạm Thị Mộng Đ1 là chị em ruột. C là vợ của T. Đào là vợ của K. T và K là anh em cột kèo. Khi còn sống, mẹ đẻ của C và Đ đã tặng cho vợ chồng Trà nhà và đất tại ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An, để vợ chồng T sống cùng, phụng dưỡng mẹ. K là người đứng ra lo thủ tục tặng cho nhưng không giao lại cho vợ chồng Trà bản chính hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa mẹ và C. Đồng thời, K và các chị em gái trong gia đình nói với vợ chồng T là hợp đồng tặng cho có điều kiện nên vợ chồng T phải có nghĩa vụ chăm lo cho mẹ khi đau ốm và lo ma chay sau khi mẹ chết. Sau khi mẹ chết, T phát hiện trong hợp đồng tặng cho không có điều kiện. Các chị vợ cho rằng căn nhà của mẹ tặng cho là nhà thờ nên vợ chồng T không được quyền tự định đoạt, còn vợ chồng T cho rằng anh chị đã không trung thực với mình về điều kiện của hợp đồng tặng cho để buộc vợ chồng T phải chăm nuôi mẹ cho đến khi mẹ chết phải lo ma chay và sau đó lại tranh chấp căn nhà. Từ đó, các chị em trong gia đình liên tục phát sinh mâu thuẫn liên quan đến nhà và đất do vợ chồng T đang quản lý, sử dụng.

Khoảng 13 giờ ngày 16/01/2024, sau khi đi dự tiệc cưới ở tỉnh Tây Ninh về đến nhà, T nghe C kể về việc Đ và Đ1 có đến nhà chửi mắng xúc phạm Lê Thị N1 (mẹ ruột T), cản trở việc buôn bán của vợ chồng T nên T mở camera xem lại thì tức giận. Đến khoảng 13 giờ 15 phút ngày 16/01/2024, T lấy 01 thanh sắt vuông 1,1 cm có chiều dài 77 cm, có cán cầm bằng nhựa hình tròn màu cam đen có chiều dài 19cm; 01 con dao có chiều dài 40cm, cán dao bằng gỗ có chiều dài 14cm, lưỡi dao bằng kim loại có chiều dài 26 cm mũi bằng, nơi rộng nhất 6cm, nơi nhỏ nhất 3cm rồi điều khiển xe mô tô biển số 70M-259.48 từ nhà đến tiệm tạp hóa của Đ để nói chuyện. Trà điều khiển xe mô tô đến trước tiệm T3 thuộc ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An cạnh tiệm tạp hóa của Đ thì T phanh xe gấp té ngã xe xuống đường lộ nhựa trước tiệm tạp hóa của vợ chồng K, Đ làm văng thanh sắt con dao về phía trước. Trà đứng dậy tay trái nhặt lấy thanh sắt, tay phải nhặt lấy con dao quay lại và đi bộ về hướng tiệm tạp hóa của Đ, vừa đi Trà lớn tiếng đòi chém vợ chồng K và Đ. Đ nghe vậy bỏ chạy về phía sau chợ B, L để trốn. Lúc này, K còn đứng tại tiệm tạp hóa của K. Trà cầm thanh sắt, con dao tấn công K, K lấy 01 cái bàn nhựa màu xanh trước tiệm cầm trên tay chống đỡ và lùi sang phía bên kia đường lộ nhựa. Trà cầm thanh sắt tay trái, tay phải cầm con dao vừa đánh, vừa chém về phía K, K cầm bàn nhựa chống đỡ. Trà cầm dao chém ngang từ phải sang trái 01 cái trúng ngón thứ tư bàn tay trái của K gây thương tích. Ngày 25/01/2024, K đến Công an xã L tố cáo sự việc trên và yêu cầu xử lý Trà theo quy định của pháp luật hình sự.

Tại Bản kết luận giám định về thương tích trên cơ thể người sống số 61/KLTTCT-TTPY ngày 05/5/2024 của Trung tâm pháp y - Sở Y, kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông Nguyễn Long K tại thời điểm giám định là: 01%.

Tại Bản cáo trạng số 141/CT- VKSDH ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 149/2024/HS-ST, ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Áp dụng Nghị quyết số 02/2018/NQ ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ ngày 15/5/2018;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án (ngày 30/9/2024).

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 585, 586, 587, 590 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho Nguyễn Long K số tiền 10.180.000 đồng, được khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002920 ngày 10/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Bị cáo Nguyễn Văn T có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại tiếp cho Nguyễn Long K số tiền 180.000 đồng (một trăm tám mươi ngàn đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chế định thi hành án treo, xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 10 tháng 10 năm 2024, bị hại Nguyễn Long K kháng cáo đề nghị chuyển tội danh của bị cáo sang tội “Giết người” và không cho bị cáo hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị buộc bị cáo bồi thường cho bị hại 124.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Bị hại Nguyễn Long K trình bày: Bị cáo dùng hung khí nguy hiểm là con dao, chém từ trên xuống, hướng chém vào đầu bị hại nhưng do bị hại dùng bàn nhựa đỡ được nên chỉ bị thương tích với tỷ lệ 01% nên hành vi của bị cáo đã phạm tội “giết người”. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chuyển tội danh từ tội “Cố ý gây thương tích” thành tội “Giết người” đối với bị cáo. Đồng thời, giữa bị hại và bị cáo không có mâu thuẫn nhau nên hành vi của bị cáo có tính chất côn đồ nên đề nghị không cho bị cáo hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự thì yêu cầu buộc bị cáo bồi thường 124.000.000 đồng cho bị hại.

- Bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã xét xử. Bị cáo xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng, không oan. Bị cáo đồng ý theo quyết định của án sơ thẩm. Bị cáo không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bị hại.

- Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Bị hại Nguyễn Long K thực hiện kháng cáo đúng quy định Bộ luật Tố tụng hình sự nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T có đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự, nên cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo về tội danh và điều luật trên là đúng quy định pháp luật, không oan. Sau khi xét xử sơ thẩm bị hại Nguyễn Long K kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử chuyển tội danh từ tội “Cố ý gây thương tích” thành tội “giết người” và tăng mức án tù treo thành tù giam đối với Nguyễn Văn T. Về trách nhiệm dân sự buộc Nguyễn Văn T bồi thường cho bị hại theo yêu cầu ở cấp phúc thẩm là 124.000.000 đồng.

Qua nghiên cứu những chứng cứ có tại hồ sơ nhận thấy cấp sơ thẩm đã xem xét và áp dụng tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo là phù hợp, tuyên phạt các bị cáo mức án trên là đã đánh giá đúng tính chất mức độ, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Xét về hành vi “giết người”, qua nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo không cấu thành về tội “giết người” vì bị cáo tay phải cầm dao chém ngang từ phải qua trái, cũng như vị trí gây thương tích là mu bàn tay của bị hại và tỉ lệ thương tích chỉ là 01%, chứng tỏ bị cáo hoàn toàn không có ý định tước đoạt tính mạng của bị hại. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại Nguyễn Long K yêu cầu xét xử chuyển tội danh từ tội “Cố ý gây thương tích” thành tội “giết người” và tăng mức tù treo thành tù giam đối với Nguyễn Văn T.

Về trách nhiệm dân sự: Cấp sơ thẩm đã xem xét tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại là 10.180.000. đồng là phù hợp. Xét kháng cáo của bị hại yêu cầu bị cáo bồi số tiền 124.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

Do đó, đề nghị căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Long K, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 149/2024/HSST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An về phần hình phạt và về phần trách nhiệm dân sự. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị hại trình bày: Cấp sơ thẩm và Kiểm sát viên xác định bị cáo phạm tội không có tính côn đồ là không đúng. Bởi bị cáo và bị hại đều xác định giữa bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn nhau. Còn việc bị hại không giao hợp đồng tặng cho cho gia đình bị cáo thì không có ảnh hưởng gì đến tài sản của gia đình bị cáo vì vợ chồng bị cáo đang quản lý tài sản này. Trước khi bị cáo đến nhà bị hại thì bị hại không có hành vi gì xúc phạm đến gia đình của bị cáo. Mặt khác, bị cáo không có mặt tại nhà lúc mâu thuẫn với các chị vợ của bị cáo, mà chỉ nghe vợ của bị cáo nói lại. Như vậy, hành vi bị cáo gây

thương tích cho bị hại là có tính chất côn đồ, nên cấp sơ thẩm cho bị cáo được hưởng án treo là không phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị hại, không cho bị cáo được hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị xem xét thiệt hại về thu nhập của bị hại do bị hại bán hàng lagim. Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo có hăm dọa bị hại nên ảnh hưởng đến tinh thần của bị hại, nên đề nghị chấp nhận theo yêu cầu kháng cáo của bị hại.

Bị cáo đối đáp: Bị cáo không có hành vi gì hăm dọa đối với bị hại.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết mình vi phạm pháp luật, rất ăn năn hối cải về hành vi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị hại Nguyễn Long K kháng cáo trong thời hạn quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận: Xuất phát từ việc giữa bị cáo và bị hại có mâu thuẫn về chuyện đất đai từ năm 2022 đến nay. Bị hại là người dẫn vợ bị cáo đi làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất giữa mẹ vợ và vợ bị cáo, sau đó không giao lại hợp đồng tặng cho cho vợ chồng bị cáo và nói với bị cáo rằng hợp đồng tặng cho có điều kiện để vợ chồng bị cáo chăm sóc mẹ vợ lúc đau bệnh và lo ma chay sau khi bà chết. Tuy nhiên, sau khi mẹ vợ chết thì các chị vợ, trong đó có vợ của bị hại lại cho rằng căn nhà mà vợ chồng bị cáo được tặng cho là nhà thờ nên thường xuyên tới cản trở việc buôn bán của vợ chồng bị cáo. Ngày 16/01/2024, vợ K là Đ và Đ1 có đến nhà bị cáo chửi mắng, xúc phạm mẹ bị cáo và cản trở việc làm ăn của vợ chồng bị cáo. Sau khi biết sự việc này, khoảng 13 giờ, cùng ngày trước tiệm tạp hóa của K thuộc ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An, T có hành vi dùng 01 con dao có chiều dài 40cm, cán dao bằng gỗ có chiều dài 14cm, lưỡi dao bằng kim loại có chiều dài 26 cm mũi bằng, nơi rộng nhất 6cm, nơi nhỏ nhất 3cm cầm trên tay phải chém ngang từ phải sang trái 01 cái trúng ngón thứ tư bàn tay trái của K gây thương tích cho K với tỷ lệ thương tích tại thời điểm giám định là 0 01%. Bị hại Nguyễn Long K có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với Nguyễn Văn T. Tòa án cấp thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 9 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, buộc bị cáo bồi thường cho bị hại các khoản là 10.180.000đồng.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị hại Nguyễn Long K kháng cáo yêu cầu chuyển tội danh từ tội “Cố ý gây thương tích” thành tội “Giết người” đối với bị cáo và không cho bị cáo hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự thì đề nghị bị cáo bồi thường 124.000.000 đồng cho bị hại.

[4] Xét kháng cáo của bị hại về tội danh: Bị hại cho rằng bị cáo chém vào vùng đầu của bị hại nhưng do bị hại dùng bàn đỡ được nên không gây thương tích, còn bị cáo trình bày chỉ chém vào bàn bị cáo đang cầm. Đối với vị trí bị cáo gây thương tích cho bị hại là ở mu bàn tay với tỉ lệ thương tích là 01%, đây không phải là vùng nguy hiểm trên cơ thể người, ngoài ra không còn thương tích nào khác, chứng tỏ bị cáo không có ý định tước đoạt tính mạng của bị hại. Do đó, cấp Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo với tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, nên bị hại kháng cáo yêu cầu chuyển tội danh đối với bị cáo không được chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo không cho bị cáo được hưởng án treo: Giữa bị cáo và bị hại có mối quan hệ là anh em cột kèo với nhau. Sau khi hỗ trợ làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất thì bị hại không giao lại hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bị cáo và sau khi mẹ chết thì các anh chị em có tranh chấp, mâu thuẫn liên quan đến nhà và đất được tặng cho. Mặc dù, ngày 16/01/2024, bị hại không là người trực tiếp đến nhà bị cáo chửi mắng, xúc phạm mẹ bị cáo, cản trở việc mua bán của vợ chồng bị cáo nhưng không phải vì lần chửi bới đó mà bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mà do dồn nén những mâu thuẫn trước. Do đó cấp sơ thẩm xác định hành vi của bị cáo không có tính chất côn đồ là có căn cứ. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cấp sơ thẩm cho bị cáo hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[6] Xét yêu cầu kháng cáo về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại không đồng ý khoản bồi thường về tổn thất tinh thần và mất thu nhập như cấp sơ thẩm xét xử. Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tiền tổn thất tinh thần là 60.000.000 đồng, tiền thu nhập là 60.000.000 đồng. Xét thấy: Về thiệt hại về tinh thần: bị cáo bị thương tích 01% ở mu bàn tay nên cấp sơ thẩm chấp nhận 02 tháng thiệt hại về tinh thần là đã xem xét nhiều yếu tố có lợi cho bị hại. Do đó, số tiền chấp nhận buộc bị cáo bồi thường là 2.340.000 đồng x 02 tháng = 4.680.000 đồng như cấp sơ thẩm chấp nhận là phù hợp. Đối với tiền thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút: Bị hại nằm điều trị tại Bệnh viện là 03 ngày và cũng đã chấp nhận cho bị hại số tiền ăn bồi dưỡng là 2.500.000 đồng nên chấp nhận cho bị hại số tiền thu nhập bị mất là 3 ngày, tương ứng với số tiền 1.500.000 đồng (500.000 đồng x 3 ngày) là có phù hợp. Do đó bị hại kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường về tổn thất tinh thần và mất thu nhập là không có căn cứ để chấp nhận.

[7] Về nhân thân của bị cáo: Cấp sơ thẩm xác định bị cáo có 01 người con sinh năm 2005, nhưng tại phiên tòa bị cáo trình bày có 02 người con. Cấp sơ thẩm ghi nhận thiếu 01 người con sinh năm 2017 và bị cáo bổ sung khai sinh của người con này. Do đó, cấp phúc thẩm điều chỉnh và ghi nhận về nhân thân bị cáo có 02 người con như trình bày của bị cáo là phù hợp.

[8] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[9] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị hại là không có căn cứ, nên không chấp nhận.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm đ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị hại phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

[11] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021.

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Long K. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 149/2024/HS-ST, ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn T và về phần trách nhiệm dân sự.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ ngày 15/5/2018;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án (ngày 30/9/2024).

Giao bị cáo Nguyễn Văn T về Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Nguyễn Văn T có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Văn T thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 585, 586, 587, 590 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho Nguyễn Long K số tiền 10.180.000 đồng, được khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002920 ngày 10/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Bị cáo Nguyễn Văn T có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại tiếp cho Nguyễn Long K số tiền 180.000 đồng (một trăm tám mươi ngàn đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021 và điểm đ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị hại Nguyễn Long K phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TPHCM (01b);
- VKSNDCC tại TPHCM (01b);
- VKSND tỉnh Long An (01b);
- Công an tỉnh Long An (01b);
- TAND huyện (02b);
- VKSND huyện (01b);
- Chi cục THADS huyện (01b);
- Người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Phụng